

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày 14-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Hải;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Thư ký Toà án nhân dân TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân TU xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2018/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Minh T, sinh năm 1990 tại: Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ X, xã T G T, huyện Ng H, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn M, sinh năm 1965 và bà Lý Thị H, sinh năm 1971; bị cáo có 05 anh, em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1999; vợ Ngô Thị Diễm H, sinh năm 1993; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/6/2011, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2011/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 04/7/2012. Ngày 31/5/2017, Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng H, tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định đình chỉ thi hành án đối với phần án phí sơ thẩm đối với Dương Minh T. Riêng số tiền bồi thường trong bản án hình sự sơ thẩm số 138/2011/HSST ông Dương Văn M và bà Lý Thị H là cha, mẹ của Dương Minh T (do Dương Minh T chưa đủ 18 tuổi) chưa thi hành. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã K A, huyện Ch M, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố B Tr, phường T H, TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Minh T và đối tượng tên H(không rõ nhân thân, lai lịch) có mối quan hệ là bạn bè với nhau.

Khoảng 18 giờ 00 ngày 21 tháng 10 năm 2017, Trương Minh T đang ở tại phòng trọ Thái Hà thuộc Khu phố B Tr, phường T H, TU, tỉnh Bình Dương thì Hải điều khiển xe mô tô hiệu Atila, màu đỏ không rõ biển số đến phòng trọ của T và chở T đi uống cà phê. Khi đi qua tiệm tạp hóa Thùy Linh thuộc khu phố Ba Tr, phường T H, TU thì H và T nhìn thấy phía trước tiệm tạp hóa có xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ - đen, biển số 67L1-380.21 của ông Bùi Văn T1(sinh năm 1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã K A, huyện Ch M, tỉnh An Giang) đang dựng, trên ổ khóa còn cắm chìa khóa trong ổ khóa. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này nên H rủ T lấy trộm chiếc xe 67L1-380.21 mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì T đồng ý. Sau đó, Hải dùng xe ngoài đường phía trước tiệm tạp hóa Thùy Linh đợi, T xuống xe đi bộ đến vị trí để xe 67L1-380.21 rồi dùng hai tay đẩy lùi xe 67L1-380.21 ra phía ngoài đường, đồng thời ngồi lên yên xe khởi động máy, điều khiển xe chạy về hướng khu phố Ô Đ, phường T H. Khi T vừa điều khiển xe mô tô chạy được khoảng 04 mét thì bị ông T1 phát hiện nên đuổi theo và dùng tay kéo áo của T lại làm T cùng xe 67L1-380.21 ngã xuống đường. Lúc này ông Hồ Trung Nh, (sinh năm 1976; HKTT: Khu phố Ô Đ, phường T H, TU, tỉnh Bình Dương) là chủ tiệm tạp hóa Thùy Linh cùng ông T1 bắt giữ được T, sau đó giao Công an phường T H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương, riêng đối tượng H đã bỏ chạy thoát.

Công an phường T H tiến hành tạm giữ vật chứng và các tài liệu đồ vật có liên quan gồm: 01 điện thoại di động Nokia màu đen của Trương Minh T. Sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng, tài liệu đồ vật liên quan cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TU, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 162/KLTS – TTHS ngày 25/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TU kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, biển số 67L1 – 380.21 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 12.400.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, biển số 67L1 – 380.21 do ông Bùi Văn T1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 24/11/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TU ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 và trả lại chiếc xe nêu trên cho ông Bùi Văn T1.

Quá trình điều tra xác định: Bị cáo Trương Minh T có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” vào năm 2011, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam theo Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2011/HSST ngày 23/6/2011. Nhưng tại bản án ghi tên là Dương Minh T, (sinh năm 1993, HKTT: Ấp Đ Đ, xã T Gi T, huyện Ng H, tỉnh Cà Mau). Bị cáo T khai là không có tiền án về tội danh trên. Ngày 29/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T U, tỉnh Bình Dương có Công văn gửi Công an Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hỗ trợ trích sao Danh bản, chỉ bản của bị cáo Dương Minh T trong vụ án đã xét xử được lập tại Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định dấu vân tay trên danh chỉ bản của Trương Minh T theo danh chỉ bản số 339, lập ngày 27/10/2017 và dấu vân tay trên danh chỉ bản của Dương Minh T theo chỉ bản số 035, lập ngày 17/01/2011.

Tại Bản kết luận giám định số: 03/GĐ-PC54 ngày 11/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Dấu vân tay 10 ngón in trên 01 chỉ bản số 339 mang tên Trương Minh T lập ngày 27/10/2017 tại Cơ quan cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TU, tỉnh Bình Dương (ký hiệu A) so với dấu vân tay in trên 01 chỉ bản vân tay 10 ngón (phôtô) số 035 mang tên Dương Minh T lập ngày 17/01/2011 tại Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (ký hiệu M) là của cùng một người in ra.

Đối với đối tượng tên H(không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi cùng với Trương Minh T thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 67L1 – 380.21, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TU sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì khác.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-TU ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân TU, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trương Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và xác định sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, g, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm p, g, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trương Minh T mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Trả lại cho bị cáo Trương Minh T 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, model 105, Imei: 351867/07/415348/4.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Minh T khai nhận hình vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân TU, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trương Minh T tại phiên tòa khai nhận phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo trước sau thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như tang vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 21/10/2017, bị cáo Trương Minh T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Bùi Văn T1 đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt một xe mô tô biển số 67L1- 380.21, có giá trị 12.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TU truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội và mong muốn chiếm đoạt được tài sản của bị hại. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu nên khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc đối với nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p, g, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân TU đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Đối với đối tượng tên H(không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi cùng với Trương Minh T thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 67L1 – 380.21, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TU sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau, là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Trả lại cho bị cáo Trương Minh T 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, model 105, Imei: 351867/07/415348/4.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; Điểm p, g, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 ;

1. Tuyên bố bị cáo Trương Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Minh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Trả lại cho bị cáo Trương Minh T 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, model 105, Imei: 351867/07/415348/4.

(Thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TU, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Minh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Duy H Nguyễn Thị Ngọc Anh

Võ Thành Hiệp